

HOSE 10/10/2014

VNINDEX 617.72 -6.62 -1.06%

KLGD 150,441,103 CP
GTGD 2,639.62 Tỷ
GTR NDTNN 15.57 Tỷ

CP Tăng giá 73 CP
CP Giảm giá 157 CP
CP Đứng giá 74 CP



Tâm điểm

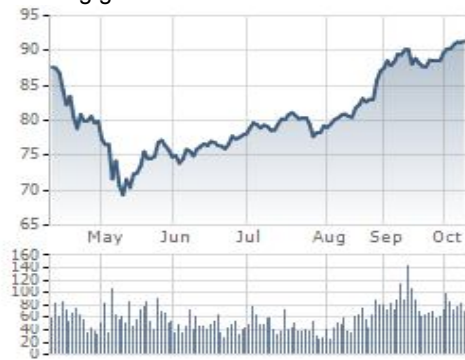
- ▶ **Bluechips đuối dần, 2 sàn điều chỉnh mạnh**
- ▶ **Thanh khoản thị trường có sự sụt giảm tương đối**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,700 tỷ đồng
- ▶ **GDP 2014 có thể tăng vượt ước tính**
Ước tính GDP cả năm 2014 sẽ tăng khoảng 5.8% và có thể cao hơn
Vneconomy
- ▶ **Đến hết 2015, nợ công ước đạt 64% GDP**
Dự kiến nợ công tính đến 31/12/2014 bằng 60.3% GDP
Vneconomy
- ▶ **13 tỷ USD tháo chạy khỏi Nga trong quý 3/2014**
Đây là quý thứ 17 liên tiếp giới đầu tư rút vốn khỏi thị trường Nga
DVO/Bloomberg
- ▶ **VNE: Lãi quý 3 nhay vọt gấp 55 lần cùng kỳ**
Quý 3, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 104 tỷ đồng
Vietstock
- ▶ **KSD: Thông qua kế hoạch lãi tăng gần 7 lần**
Cổ đông công ty thông qua điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế lên 8 tỷ đồng
Đầu tư Chứng khoán

HNX 10/10/2014

HNXINDEX 90.45 -0.90 -0.99%

KLGD 80,971,857 CP
GTGD 1,108.01 Tỷ
GTR NDTNN 2.48 Tỷ

CP Tăng giá 69 CP
CP Giảm giá 152 CP
CP Đứng giá 158 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,117,455	15.6	3.4	19.6%	10.7%
HNX	149,323	15.2	1.9	9.2%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,266,778	17.6	3.4	19.1%	10.2%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Nhựa, cao su & sợi	7,591	7.0	1.0	13.6%	9.0%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,767	9.5	1.6	16.2%	10.9%	
Thép và sản phẩm thép	39,557	17.3	2.2	20.5%	9.5%	
Khai khoáng	12,551	68.1	5.5	0.4%	0.1%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,207	17.4	1.5	10.9%	7.3%	
Xây dựng	34,084	51.9	1.4	-1.6%	2.0%	
Máy công nghiệp	9,150	9.7	1.5	15.1%	10.2%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,615	9.2	1.6	18.8%	13.6%	
Lốp xe	9,138	11.4	3.3	27.5%	11.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	21,920	12.6	1.9	16.6%	6.1%	
Thực phẩm	201,312	24.5	4.9	20.7%	16.2%	
Dược phẩm	15,620	10.8	3.0	25.0%	16.4%	
Phần mềm	18,356	11.4	2.3	21.5%	9.2%	
Sản xuất & phân phối điện	26,329	-	6.2	1.4	-17.1%	-0.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	226,768	18.5	6.1	33.1%	22.7%	
Bảo hiểm nhân thọ	27,831	22.8	2.4	10.2%	2.1%	
Môi giới chứng khoán	29,720	15.0	1.7	9.5%	7.0%	
Ngân hàng	241,826	11.2	1.2	10.6%	0.9%	
Bất động sản	180,133	18.3	3.5	21.7%	5.2%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	53,644	12.1	2.6	22.6%	9.4%	

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 651.72 -5.39 -0.82%

HNX30 183.83 -2.41 -1.29%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

GDP 2014 có thể tăng vượt ước tính

Đến hết 2015, nợ công ước đạt 64% GDP

13 tỷ USD tháo chạy khỏi Nga trong quý 3/2014

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

VNE: Lãi quý 3 nhảy vọt gấp 55 lần cùng kỳ

KSD: Thông qua kế hoạch lãi tăng gần 7 lần

PLC: 9 tháng lãi trước thuế 194 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Sáng 9/10, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình kinh tế - xã hội năm 2014 và kế hoạch 2015. Theo đánh giá của Chính phủ, từ đầu năm đến nay, kinh tế xã hội tiếp tục có chuyển biến tích cực. Về một số chỉ tiêu kinh tế, Bộ trưởng Vinh cho biết, ước tính GDP cả năm 2014 sẽ tăng khoảng 5.8% và có thể cao hơn. Dự kiến GDP 2015 tăng khoảng 6.2%, bội chi khoảng 5%, CPI khoảng 5%. 13/14 chỉ tiêu kinh tế xã hội của năm 2014 đạt kế hoạch, chỉ duy nhất chỉ tiêu lao động qua đào tạo là không về đích.

Tại báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính – Ngân sách của Quốc hội, ông Phùng Quốc Hiển nhấn mạnh, tình hình hiện đã rất khó khăn. Mức bội chi ngân sách nhà nước năm 2014 bằng 5.3%, dự kiến nợ công tính đến 31/12/2014 bằng 60.3% GDP. Và, theo báo cáo của Chính phủ thì hết 2015, nợ công ước đạt 64% GDP. Nợ phải trả hằng năm tăng nhanh, từ 2012 đã phải thực hiện vay để đảo nợ, dành một phần vay về để trả nợ. Đến 2015 vẫn phải đảo nợ và số đảo nợ ngày càng tăng, từ 77,000 tỷ đồng của 2014 đã lên 130,000 tỷ đồng. Năm 2015, Chính phủ dự kiến chi trả nợ và viện trợ 150,000 tỷ đồng, chiếm 13.3% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng 25% so với dự toán chi 2014.

Theo số liệu ước tính của ngân hàng trung ương Nga, dòng vốn tháo chạy khỏi Nga giảm xuống 13 tỷ USD trong quý 3. Trước đó, giới đầu tư đã liên tiếp rút 48.6 tỷ USD và 23.7 tỷ USD lần lượt trong quý 1 và 2. Như vậy, giới đầu tư đã rút tổng 85 tỷ USD ra khỏi Nga trong 9 tháng đầu năm. Mặc dù dòng vốn chảy ra khỏi Nga có xu hướng chậm lại nhưng chưa có dấu hiệu nào cho thấy giới đầu tư sẽ ngừng rút vốn khỏi nước này trong tương lai gần, theo nhận định của một số chuyên gia kinh tế. Kinh tế Nga hiện đang đứng trên bờ vực rơi vào suy thoái lần 2 kể từ năm 2009 do vốn liên tục tháo chạy khỏi các thị trường tài chính, kéo giảm niềm tin của các nhà đầu tư.

► Tin doanh nghiệp

Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam (HOSE: VNE) công bố BCTC tổng hợp quý 3/2014 với doanh thu thuần gần 255 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 104 tỷ đồng, cao gấp 3.5 lần và gần 55 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Trong kỳ, hoạt động tài chính đem về doanh thu hơn 4.7 tỷ đồng, tăng 2.6 lần nhưng chi phí tài chính chỉ hơn 5.7 tỷ đồng, giảm gần 80%. Chi phí bán hàng không đáng kể và chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức gần 9 tỷ đồng, tăng 74%. Doanh thu tăng cao nhưng chi phí không tăng tương ứng giúp lợi nhuận trước thuế đạt gần 105 tỷ đồng, gấp gần 49 lần và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 104 tỷ đồng, gấp 54 lần so với quý 3/2013. Tuy nhiên, do trong quý 2 VNE lỗ nặng hơn 103 tỷ đồng nên lũy kế 9 tháng đầu năm lợi nhuận sau thuế chỉ còn hơn 4 tỷ đồng, tăng gần 67% so với 9 tháng đầu năm 2013.

ĐHCĐ Tổng CTCP Xuất nhập khẩu Đông Nam Á Hamico (HNX: KSD) ngày 9/10 vừa thống nhất thông qua nhiều nội dung như tái cấu trúc, tăng vốn điều lệ, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cả năm 2014 và năm 2015. Cụ thể, KSD sẽ tái cấu trúc Công ty theo mô hình công ty đầu tư, tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp hoạt động trong chuỗi giá trị từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ bằng các tài sản hiện có. Cổ đông cũng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 342 tỷ đồng; thông qua điều chỉnh tăng kế hoạch lợi nhuận sau thuế lên 8 tỷ đồng, thay vì 1.2 tỷ đồng như kế hoạch ban đầu. Kế hoạch đặt ra cho năm 2015 là 300 tỷ đồng doanh thu và 24 tỷ đồng lãi sau thuế

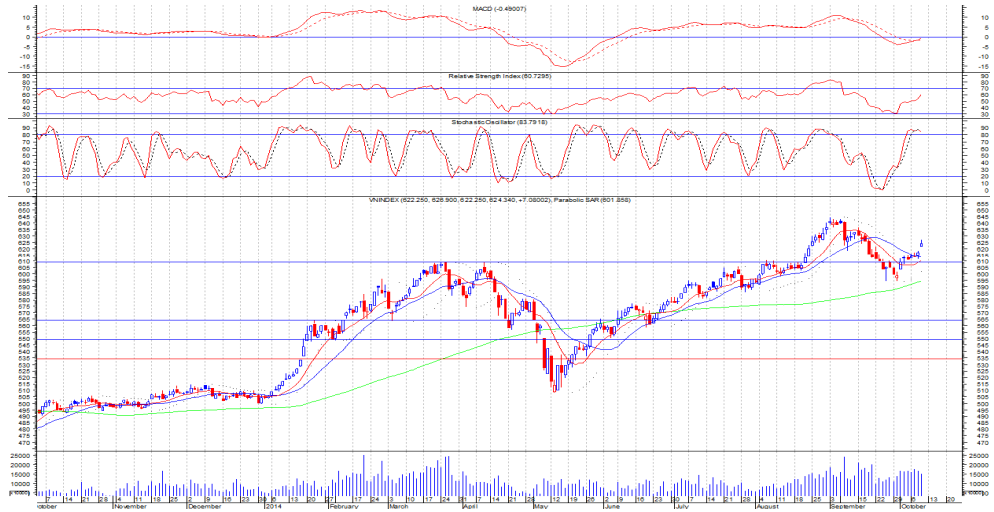
Ngày 8/10, tại buổi làm việc với Chủ tịch HĐQT Petrolimex Bùi Ngọc Bảo, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP (HNX: PLC) Phạm Bá Nhuận đã báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2014 của PLC với sản lượng đạt 238,625 tấn, bằng 125.7% cùng kỳ 2013 và đạt 88.06% kế hoạch 2014. Doanh thu 9 tháng của PLC đạt trên 5,000 tỷ đồng, bằng 114.7% cùng kỳ 2013 và đạt 85.4% kế hoạch 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt 194 tỷ đồng, bằng 96.08% cùng kỳ 2013 và đạt 88.64% kế hoạch 2014.

HOSE 10/10/2014 VNINDEX 617.72 -6.62 -1.06% 150,441,103 CP 2,639.62 bil VND

Bluechips đuối dần, 2 sàn điều chỉnh tương đối mạnh

VN-Index giảm 6.62 điểm (+1.06%), đóng cửa tại mức 617,72 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến tương đối dài, VN-Index giảm trở lại và gần như lấp khoảng Gap đã tạo ở phiên trước đó.

- MACD tiếp tục gia tăng tích cực.
- Stochastic Oscillator sắp đi ra khỏi vùng quá mua, đây là chỉ báo cho thấy VN-Index nhiều khả năng sẽ còn điều chỉnh tiếp.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 57.
- Nhóm trụ yếu dần, VN-Index đang hướng về vùng hỗ trợ MA20 tương đương với 615 - 620 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.3 (-2.5%)	12,621,610
ITA	-0.2 (-2.2%)	7,399,130
KBC	0.1 (0.6%)	6,834,850
VHG	-0.3 (-2.0%)	5,273,580
SSI	-0.6 (-1.9%)	5,099,600

HOSE Top 5 theo % tăng

RIC	1.3 (6.9%)	16,760
VLF	0.5 (6.8%)	29,680
GTN	1.1 (6.7%)	229,320
FDC	1.8 (6.7%)	282,110
SBC	1 (6.6%)	39,300

HOSE Top 5 theo % giảm

STG	-1.9 (-6.8%)	200
BGM	-0.4 (-6.7%)	1,162,380
TNA	-1.8 (-6.5%)	20
VOS	-0.4 (-6.5%)	979,970
GTA	-0.9 (-6.4%)	1,000

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HSG	17,4 tỷ	365,070
VCB	17,2 tỷ	669,300
HPG	11,0 tỷ	187,080
PVD	9,8 tỷ	96,770
CSM	9,4 tỷ	200,290

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HVG	-17,8 tỷ	536,800
VIC	-12,6 tỷ	257,570
DIG	-10,8 tỷ	735,630
KBC	-8,1 tỷ	494,000
GAS	-4,5 tỷ	39,190

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-884,050	15.57

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Khi các trụ đỡ yếu dần, đặc biệt là GAS, thì áp lực điều chỉnh đã lớn hơn rất nhiều, đã giảm lan rộng ở phiên chiều. VN-Index đóng cửa ở mức thấp trong phiên
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 150 triệu đơn vị. Thanh khoản sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá cao, cho thấy niềm tin của giới đầu tư vẫn khá lớn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 15,64 tỷ. Khối này mua nhiều ở mã VCB, HPG, HSG. Bán nhiều ở VIC, HVG.
- ▶ Áp lực điều chỉnh nhiều khả năng sẽ vẫn còn tiếp diễn ở những phiên tới. Tuy nhiên, đây là vùng hỗ trợ khá tốt của chỉ số này do đó đà điều chỉnh sẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT cân nhắc chốt lãi dần phần danh mục đã mang lại lợi nhuận. Việc mua mới chỉ nên diễn ra nếu thanh khoản tiếp tục ở mức tốt và các mã đã điều chỉnh.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	113.0	214,135.00	19.0	6.2	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	110.0	110,013.05	18.0	5.9	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.0	71,955.55	15.8	1.6	10.6%	1.0%
VIC	1,421.7	48.6	69,092.24	14.4	4.0	27.6%	6.2%
MSN	735.8	81.5	59,968.36	-1,484.0	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.6	38,232.36	9.6	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	101.0	30,606.73	13.2	2.8	22.7%	10.7%
HPG	481.9	58.5	28,191.63	10.1	2.7	28.3%	12.8%
BVH	680.5	40.4	27,491.05	22.8	2.4	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

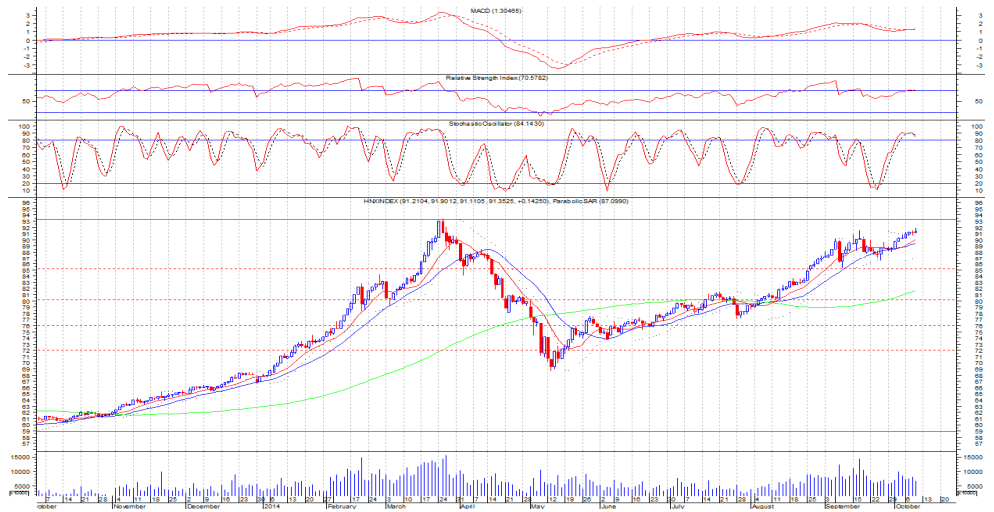
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	18.0	4,605.44	19.7	1.6	NA	TH.DOI
FPT	343.9	52.0	17,882.50	11.3	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.7	2,391.41	8.1	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.7	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.1	674.33	4.1	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	28.8	795.17	3.0	1.2	NA	TH.DOI

HNX 10/10/2014 HNX-Index 90.45 -0.90 -0.99% 80,971,857 CP 1,108.01 bil. VND

Bluechips đuối dần, 2 sàn điều chỉnh tương đối mạnh

Chỉ số HNX-Index giảm 0.9 điểm (+0.99%), đóng cửa tại mốc 90.45 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến tương đối dài, chỉ số này vẫn đang ở gần vùng đỉnh cũ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn duy trì trong vùng quá mua, nhưng nhiều khả năng sẽ sụt giảm mạnh ở những phiên tới.
- MACD tiếp tục gia tăng, đây là dấu hiệu tích cực.
- RSI (14) duy trì ở mức 70.
- Nếu dòng tiền vẫn duy trì được sự tích cực, HNX-Index nhiều khả năng sẽ vẫn giữ đà tăng.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.1 (1.5%)	15,978,550
KLF	-0.2 (-1.6%)	7,335,300
FIT	-1 (-3.7%)	5,315,550
SCR	-0.2 (-1.9%)	4,355,520
SHS	-0.4 (-3.1%)	3,732,330

HNX Top 5 theo % tăng

CAN	2.2 (10.0%)	1,000
HNM	1.4 (10.0%)	671,050
PJC	1.2 (10.0%)	200
HDA	1 (9.9%)	200
VMI	1.6 (9.9%)	57,000

HNX Top 5 theo % giảm

PPP	-0.9 (-9.5%)	2,700
HHG	-0.7 (-9.3%)	541,000
CTX	-0.9 (-9.1%)	200
S12	-0.7 (-9.0%)	100
TPH	-0.7 (-9.0%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	12,1 tỷ	282,700
HMH	0,7 tỷ	24,200
DNM	0,4 tỷ	10,800
KKC	0,3 tỷ	12,500
VC9	0,2 tỷ	20,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-9,5 tỷ	264,300
VND	-1,6 tỷ	95,000
LAS	-1,1 tỷ	31,700
SCJ	-0,4 tỷ	37,800
BVS	-0,2 tỷ	13,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	31,357	2.48

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực điều chỉnh xuất hiện sớm hơn ở sàn HNX và cũng giống HOSE, đã giảm lan rộng mạnh mẽ ở đầu phiên chiều. HNX-Index đóng cửa ở mức thấp trong phiên.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 90 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng cho thấy đà chốt lời mạnh mẽ ở sàn này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 2,48 tỷ. Lượng mua tập trung nhiều ở các mã PVS, trong khi bán nhiều ở PVC, VND.
- ▶ Áp lực điều chỉnh nhiều khả năng sẽ vẫn còn tiếp diễn ở những phiên tới. Do HNX-Index đang gần vùng đỉnh cũ, tuy nhiên đà giảm có lẽ sẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT cân nhắc chốt lãi dần phần danh mục đã mang lại lợi nhuận. Việc mua mới chỉ nên diễn ra nếu thanh khoản tiếp tục ở mức tốt và các mã đã điều chỉnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	42.8	19,118.78	10.9	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	20.4	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	9.7	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.9	6,139.78	10.8	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	83.9	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.5	4,165.43	14.2	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	22.0	2,883.67	9.2	1.1	12.7%	5.7%
NTP	56.3	47.0	2,647.95	7.4	2.1	22.9%	15.2%
PVX	400.0	6.6	2,640.00	2.1	3.5	-128.0%	-7.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	37.4	1,421.20	9.0	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.1	637.56	6.7	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.6	1,659.98	15.5	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	47.0	2,647.95	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	35.5	1,775.00	11.0	2.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	45.0	354.37	7.2	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	69,092.24	15.75%	48.6	14.38	3.97	2,674,447	2,554,738	1,826,143
HPG	HOSE	481.9	28,191.63	13.53%	58.5	10.07	2.66	555,116	737,229	865,212
PVD	HOSE	303.0	30,606.73	11.69%	101.0	13.18	2.79	365,107	621,310	485,939
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	11.42%	81.5	#####	4.22	80,371	192,843	249,611
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	8.11%	25.3	17.39	1.49	5,828,193	4,754,922	3,464,731
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.47%	18.8	7.87	1.27	376,359	552,779	395,768
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	5.75%	27.0	15.76	1.63	637,519	601,831	479,494
DPM	HOSE	379.9	11,701.98	4.79%	30.8	9.21	1.31	516,227	945,661	1,180,022
ITA	HOSE	718.9	6,398.26	2.96%	8.9	70.52	0.83	9,603,640	8,544,061	7,182,773
KBC	HOSE	389.8	6,392.07	2.57%	16.4	27.82	1.25	7,035,457	5,452,478	3,105,153
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	2.30%	40.4	22.78	2.39	247,657	376,168	225,731
HSG	HOSE	96.3	4,632.66	2.06%	48.1	14.10	1.94	573,008	375,547	242,433
GMD	HOSE	116.1	4,146.13	1.83%	35.7	8.28	0.87	1,204,024	1,352,307	651,684
PPC	HOSE	318.2	7,858.42	1.68%	24.7	15.94	1.54	308,897	874,015	740,806
HVG	HOSE	132.0	4,342.79	1.56%	32.9	38.18	1.93	2,065,212	2,349,161	1,480,666
CSM	HOSE	67.3	3,162.72	1.50%	47.0	8.73	2.63	203,619	316,961	279,482
PVT	HOSE	255.9	4,605.44	1.48%	18.0	19.72	1.63	2,425,390	2,877,002	2,215,010
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	1.48%	61.5	14.31	3.89	105,749	238,467	216,365
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.31%	14.5	14.26	1.12	408,618	594,334	706,757
DIG	HOSE	178.7	2,609.66	1.01%	14.6	70.56	1.09	1,780,478	1,604,550	688,230
OGC	HOSE	300.0	3,810.00	0.76%	12.7	47.62	1.22	5,758,988	4,506,242	3,083,828

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	69,092.24	8.28%	48.6	14.38	3.97	2,674,447	2,554,738	1,826,143
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	8.09%	81.5	#####	4.22	80,371	192,843	249,611
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	6.66%	27.0	15.76	1.63	637,519	601,831	479,494
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.34%	18.8	7.87	1.27	376,359	552,779	395,768
PVS	HNX	446.7	19,118.78	5.45%	42.8	10.86	2.31	3,288,652	4,679,199	3,840,641
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	4.54%	40.4	22.78	2.39	247,657	376,168	225,731
DPM	HOSE	379.9	11,701.98	4.18%	30.8	9.21	1.31	516,227	945,661	1,180,022
PVD	HOSE	303.0	30,606.73	4.04%	101.0	13.18	2.79	365,107	621,310	485,939
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	3.68%	25.3	17.39	1.49	5,828,193	4,754,922	3,464,731
ITA	HOSE	718.9	6,398.26	2.96%	8.9	70.52	0.83	9,603,640	8,544,061	7,182,773
PPC	HOSE	318.2	7,858.42	2.75%	24.7	15.94	1.54	308,897	874,015	740,806
FLC	HOSE	314.9	3,621.28	2.56%	11.5	8.31	1.00	13,558,925	18,972,552	16,680,961
SHB	HNX	886.1	8,240.58	2.53%	9.3	9.74	0.77	5,515,868	5,523,010	4,559,957
VCG	HNX	441.7	6,139.78	2.03%	13.9	10.81	1.11	1,771,362	2,001,258	1,260,154
OGC	HOSE	300.0	3,810.00	1.69%	12.7	47.62	1.22	5,758,988	4,506,242	3,083,828
PVT	HOSE	255.9	4,605.44	1.61%	18.0	19.72	1.63	2,425,390	2,877,002	2,215,010
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	0.95%	61.5	14.31	3.89	105,749	238,467	216,365
IJC	HOSE	274.2	3,756.46	0.62%	13.7	23.21	1.33	825,761	1,487,463	2,040,839
PVX	HNX	400.0	2,640.00	0.00%	6.6	- 2.10	3.51	9,849,504	10,454,485	9,194,132

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	69,092.24	0.00%	48.6	14.38	3.97	2,674,447	2,554,738	1,826,143
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	0.00%	81.5	#####	4.22	80,371	192,843	249,611
DPM	HOSE	379.9	11,701.98	0.00%	30.8	9.21	1.31	516,227	945,661	1,180,022
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	0.00%	25.3	17.39	1.49	5,828,193	4,754,922	3,464,731
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	0.00%	27.0	15.76	1.63	637,519	601,831	479,494
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	7.87	1.27	376,359	552,779	395,768
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	0.00%	40.4	22.78	2.39	247,657	376,168	225,731
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.26	1.01	273,036	345,837	356,826
GAS	HOSE	1,895.0	214,135.00	0.00%	113.0	19.00	6.22	448,917	432,575	363,931

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	0.88%	81.5	#####	4.22	80,371	192,843	249,611
VIC	HOSE	1,421.7	69,092.24	0.56%	48.6	14.38	3.97	2,674,447	2,554,738	1,826,143
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.31%	18.8	7.87	1.27	376,359	552,779	395,768
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	0.24%	27.0	15.76	1.63	637,519	601,831	479,494
DPM	HOSE	379.9	11,701.98	0.15%	30.8	9.21	1.31	516,227	945,661	1,180,022
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	0.08%	40.4	22.78	2.39	247,657	376,168	225,731

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,591	7.0	1.0	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,767	9.5	1.6	16.2%	10.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,926	27.7	1.0	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	911	8.0	1.0	12.5%	6.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,557	17.3	2.2	20.5%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,948	3.4	0.8	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,551	68.1	5.5	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,207	17.4	1.5	10.9%	7.3%
Xây dựng	34,084	51.9	1.4	-1.6%	2.0%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,229	8.4	1.2	16.1%	8.2%
Công nghiệp phức hợp	1,217	10.1	2.4	13.4%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,383	6.9	0.9	13.2%	5.9%
Thiết bị điện	1,924	19.6	1.2	1.2%	-0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	45	13.7	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	9,150	9.7	1.5	15.1%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	10,363	3.6	1.3	4.1%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,615	9.2	1.6	18.8%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,318	8.1	1.6	18.5%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,962	12.4	2.2	16.4%	7.9%
Đào tạo & Việc làm	259	10.8	0.8	8.5%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	186	8.2	0.8	10.8%	4.4%
Chất thải & Môi trường	187	2.8	0.9	34.4%	16.2%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,186	19.2	1.3	11.7%	6.3%
Lốp xe	9,138	11.4	3.3	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,611	8.1	1.3	15.6%	8.3%
Vang & Rượu mạnh	306	13.6	2.1	16.4%	10.3%
Đồ uống & giải khát	224	6.4	1.1	14.3%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,920	12.6	1.9	16.6%	6.1%
Thực phẩm	201,312	24.5	4.9	20.7%	16.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	86	21.7	1.1	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,583	8.7	1.3	14.6%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	583	46.0	1.5	3.4%	2.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,624	9.6	1.8	18.3%	7.1%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,895	10.9	2.0	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	734	8.2	1.1	-0.8%	3.9%

10 October 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,144	18.7	1.2	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	172	3.5	2.0	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	219	10.0	1.3	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,620	10.8	3.0	25.0%	16.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	271	51.0	0.9	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	736	11.3	1.2	13.1%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,133	11.6	2.0	17.2%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,128	9.9	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,708	73.2	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,983	17.8	1.5	11.0%	9.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,735	20.8	3.5	23.3%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	813	19.5	1.0	5.6%	2.0%
Internet	311	65.6	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,356	11.4	2.3	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	522	18.1	0.9	4.3%	1.6%
Thiết bị văn phòng	309	5.3	1.2	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	14,941	38.8	9.4	34.7%	11.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	26,329	-	6.2	1.4	-17.1%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	226,768	18.5	6.1	33.1%	22.7%
Nước	1,247	6.7	1.1	17.1%	11.4%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,424	8.2	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,976	12.5	0.8	6.5%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,884	9.2	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,831	22.8	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,038	48.7	1.3	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán	29,720	15.0	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	241,826	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	180,133	18.3	3.5	21.7%	5.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	53,644	12.1	2.6	22.6%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.